

Bản án số: 10/2025/HS-ST
Ngày: 17-09-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Duyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đăng Đứng.
- Ông Trần Duy Ngọc.

Thư ký phiên tòa: bà Võ Thị Cẩm Mỹ - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: ông Lê Ngọc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đắk Lắk (Điểm cầu trung tâm) và Phân trại tạm giam Khu vực 3 - Trại tạm giam số 2 thuộc Công an tỉnh Đ (Điểm cầu thành phần), mở phiên tòa xét xử trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 09 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. **Lê Ngọc T**, sinh ngày 19/5/2005, tại tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk), tên gọi khác: không; nơi cư trú: thôn H, xã H, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Lê Ngọc V, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ hai; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 13/05/2025, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P (nay là tỉnh Đắk Lắk) khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; ngày 21/08/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã kết luận điều tra và ngày 04/9/2025 bị Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đắk Lắk truy tố Lê Ngọc T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 17/05/2025 (Có mặt).

2. **Dương Văn L1**, sinh ngày 10/4/1988, tại tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk), tên gọi khác: không; nơi cư trú: thôn H, xã H, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Nhân viên bán xăng dầu; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Dương M, sinh năm 1950 và bà Trần Thị H, sinh năm 1954; gia đình có 11 anh chị em, bị cáo là con thứ bảy trong gia đình; vợ: Nguyễn Thị V1, sinh năm 1990 (đã ly hôn), có 02 con, lớn sinh năm

2012, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 17/05/2025 (Có mặt).

3. **Nguyễn Chí Đ**, sinh ngày 12/7/2006, tại tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk), tên gọi khác: không; nơi cư trú: thôn H, xã H, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Chí D, sinh năm 1975 và bà Trịnh Thị Hoa L2, sinh năm 1981; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 17/05/2025 (Có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc T: bà Huỳnh Diệp Huyền T1 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ (Có mặt).

* Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn L1: bà Nguyễn Kim C – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/5/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P (nay là tỉnh Đắk Lắk) mời Lê Ngọc T làm việc vì có liên quan đến vụ việc trộm cắp tài sản, xảy ra ngày 13/5/2025 tại thôn H, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là thôn H, xã H, tỉnh Đắk Lắk). Qua điều tra, T khai nhận đã dùng tiền trộm cắp được mua ma túy sử dụng cùng với Dương Văn L1 và Nguyễn Chí Đ. Tiến hành mời L1 và Đ lên làm việc thì L1 và Đ khai nhận đã sử dụng ma túy cùng với T; kiểm tra chất ma túy trong cơ thể của T, L1 và Đ kết quả dương tính với ma túy loại Methamphetamine. Cơ quan điều tra khám xét chỗ ở của T cũng là nơi T, L1 và Đ đã sử dụng ma túy thu giữ dụng cụ sử dụng ma túy là 01 chai nhựa có chữ Sting, có nắp đậy được đục thủng 02 lỗ tròn, 01 ống nhỏ thủy tinh bên trong có bám dính chất ma túy và 01 ống hút bằng nhựa màu đen.

Quá trình điều tra, T, L1 và Đ khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 13/5/2025 T và Đ uống nước tại thôn H, xã H, tỉnh Đắk Lắk thì T rủ Đ mua ma túy đá sử dụng, Đ đồng ý. T mượn điện thoại di động của Đ gọi qua tài khoản Facebook "Yeu Maimai" của L1 bằng ứng dụng M1 rủ L1 mua ma túy đá sử dụng nhưng L1 không nghe điện thoại. Sau đó, Đ nhắn tin qua M1 rủ L1 mua ma túy sử dụng thì L1 đồng ý; Đ nói lại cho T biết L1 đồng ý mua ma túy sử dụng nên T đưa cho Đ số tiền 400.000 đồng. Sau đó, L1 điều khiển xe mô tô (không rõ hiệu, biển số, xe của khách gửi tại cây xăng nơi L1 làm việc) đến nhà Trường tại thôn H, xã H chở Đ đi mua ma túy đá, trên đường đi Đ đưa L1 400.000 đồng để mua ma túy. L1 chở Đ đến ngã tư C thuộc phường Đ rồi bảo Đ đứng trên đường đợi, còn L1 điều khiển xe mô tô đi gặp một đối tượng (chưa rõ nhân thân lai lịch) mua bì ma túy đá với giá 400.000 đồng.

Sau khi mua được ma túy, L1 chở Đ về lại nhà Trường rồi đi đến cây xăng nơi L1 làm việc lấy 01 cái nỏ thủy tinh, 01 ống hút nhựa màu đen rồi quay lại nhà Trường. T ra phía sau nhà lấy 01 vỏ chai nước hiệu Sting đổ nước vào chai đưa cho L1, L1 đục nắp nhựa thủng 02 lỗ rồi gắn ống nỏ thủy tinh và ống hút bằng nhựa vào chai nước, L1 bỏ ma túy đá vào nỏ thủy tinh, dùng bật lửa đốt nóng ma túy lên sử dụng. L1 sử dụng ma túy trước bằng hình thức hút, sau đó đưa bình ma túy cho T và Đ sử dụng đến khoảng 03 giờ ngày 14/5/2025 thì L1 đi về, T và Đ tiếp tục sử dụng cho đến khi hết ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 355/KL-KTHS ngày 26/5/2025 của Phòng K Công an tỉnh P (nay là tỉnh Đắk Lắk) kết luận: Chất màu vàng – nâu bám dính bên trong hình cầu của ống thủy tinh trong suốt thu giữ tại nhà Lê Ngọc T gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine. Vi lượng bám dính ít nên không xác định được khối lượng.

Tại bản Cáo trạng số: 10/CT-VKSKV12 ngày 03/09/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo Lê Ngọc T, Dương Văn L1, Nguyễn Chí Đ về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

* Các bị cáo Lê Ngọc T, Dương Văn L1, Nguyễn Chí Đ thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như lời khai tại Cơ quan điều tra, thừa nhận toàn bộ nội dung bản Cáo trạng đã truy tố các bị cáo là đúng, không oan sai.

* Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên truy tố theo Cáo trạng số: 10/CT-VKSKV12 ngày 03/09/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 -Đắk Lắk. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, vị trí, vai trò, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Ngọc T, Dương Văn L1, Nguyễn Chí Đ cùng phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và đề nghị tuyên phạt các bị cáo mức án:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; các điểm r, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Lê Ngọc T từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2025. Phạt bổ sung: không.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, phạt các bị cáo Dương Văn L1, Nguyễn Chí Đ cùng mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2025. Phạt bổ sung: không.

- Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, tài sản, đồ vật liên quan:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 ống thủy tinh trong suốt dài 17cm, đường kính 0,4cm, một đầu có hình cầu đường kính 1,5cm bên trong có bám dính chất màu vàng nâu là ma túy loại Methamphetamine; 01 vỏ chai nhựa có chữ Sting cao 21cm, đường kính đáy chai 05cm có nắp đậy bằng nhựa màu đỏ, trên nắp nhựa có 02 lỗ thủng,

một lỗ có gắn 01 ống hút bằng nhựa màu đen dài 31cm, đường kính 0,5cm là các công cụ, phương tiện dùng vào mục đích để phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 màu hồng, kiểu máy PBAM00, số IMEI 1: 864395046661756, số IMEI 2: 864395046661749, gắn thẻ sim số 0359003400; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A15 màu trắng, kiểu máy CPH2185, số IMEI 1: 860466059816258, số IMEI 2: 860466059816241, không có thẻ sim.

- Về án phí: Các bị cáo Lê Ngọc T, Dương Văn L1 bị kết án nhưng thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nguyễn Chí Đ bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

* Người bào chữa cho bị cáo Lê Ngọc T tranh luận, đối đáp: thống nhất về tội danh mà Kiểm sát viên đã luận tội đối với các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, các điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xem xét giảm nhẹ mức hình phạt, xử phạt bị cáo T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, không áp dụng hình phạt bổ sung; và đề nghị miễn án phí cho bị cáo T.

Bị cáo T thống nhất theo lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không bổ sung, không tranh luận, đối đáp gì thêm.

* Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn L1 tranh luận, đối đáp: thống nhất về tội danh mà Kiểm sát viên đã luận tội đối với các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xem xét giảm nhẹ hơn mức hình phạt cho bị cáo L1 so với đề nghị của Kiểm sát viên, không áp dụng hình phạt bổ sung; và đề nghị miễn án phí cho bị cáo L1.

Bị cáo L1 thống nhất theo lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không bổ sung, không tranh luận, đối đáp gì thêm.

* Bị cáo Đ thống nhất về tội danh và mức hình phạt áp dụng mà Kiểm sát viên đã luận tội đối với bị cáo, không tranh luận, đối đáp gì.

* Nói lời sau cùng: các bị cáo T, L1, Đ đều tỏ ra ăn năn, hối cải, xin được hưởng khoan hồng của pháp luật để được giảm nhẹ hình phạt, an tâm cải tạo để sớm về với gia đình, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Ngọc T, Dương Văn L1, Nguyễn Chí Đ và người bào chữa

không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đều có giá trị chứng minh.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Ngọc T, Dương Văn L1, Nguyễn Chí Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám xét nơi ở, biên bản niêm phong và mở niêm phong vật chứng, kết luận giám định và các tài liệu chứng khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận:

Từ ngày 13 đến ngày 14/5/2025, tại thôn H, xã H, tỉnh Đắk Lắk, Lê Ngọc T, Dương Văn L1 và Nguyễn Chí Đ đã có hành vi thống nhất cùng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamine thì bị cơ quan Công an phát hiện, thu giữ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy.

Do đó, Cáo trạng số: 10/CT-VKSKV12 ngày 03/09/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo Lê Ngọc T, Dương Văn L1, Nguyễn Chí Đ về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Hành vi của các bị cáo với lỗi cố ý, rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Bản thân các bị cáo biết rõ những tác hại ma túy gây ra cho sức khỏe, đời sống con người, gây nguy hại cho cộng đồng, bị xã hội lên án; làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an tại địa phương, là nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh các loại tội phạm khác, các tệ nạn xã hội và bệnh tật nguy hiểm cho người sử dụng; nhưng các bị cáo bất chấp pháp luật cùng phạm tội tổ chức sử dụng ma túy nên phải xử lý nghiêm khắc, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có đủ tác dụng giáo dục trực tiếp đối với các bị cáo, đồng thời còn có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về vị trí, vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công và cấu kết chặt chẽ với nhau. Trong đó, bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Đ và L1 sử dụng ma túy, là người dùng tiền trộm cắp, đưa 400.000 đồng để Đ và L1 mua ma túy sử dụng. Bị cáo L1, Đ là người giúp sức tích cực; bị cáo Đ chủ động liên hệ với L1 để cùng L1 tìm nguồn ma túy; bị cáo L1 còn chuẩn bị dụng cụ, phương tiện để tổ chức sử dụng ma túy và trực tiếp lấy dụng cụ, phương tiện lắp các dụng cụ tạo thành bình để sử dụng ma túy, dùng bật lửa đốt ma túy sử dụng và đưa ma túy cho T, Đ cùng sử dụng. Do đó, mức hình phạt của bị cáo T phải nặng hơn các bị cáo L1, Đ; bị cáo L1, Đ có vai trò như nhau nên chịu cùng mức hình phạt.

[5] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[5.1] Về nhân thân: các bị cáo Dương Văn L1, Nguyễn Chí Đ có nhân thân tốt; bị cáo Lê Ngọc T có nhân thân xấu, ngày 13/05/2025 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh P (nay là tỉnh Đắk Lắk) khởi tố về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 04/9/2025 bị Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đắk Lắk truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5.2] Các bị cáo Lê Ngọc T, Dương Văn L1, Nguyễn Chí Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.3] Bị cáo Lê Ngọc T khi bị bắt, bị phát hiện về hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” đã tự mình nhận tội và khai ra hành vi phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” của mình mà chưa bị phát hiện nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Kiểm sát viên là có lợi cho bị cáo T, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 “Tự thú là việc người phạm tội tự nguyện khai báo với cơ quan, tổ chức về hành vi phạm tội của mình trước khi tội phạm hoặc người thực hiện hành vi phạm tội bị phát giác”. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước để các bị cáo được an tâm cải tạo.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo T, L1, Đ mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra trên cơ sở xem xét nhân thân, vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo T đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử bị cáo T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là không đảm bảo sự nghiêm nghiêm, công bằng của pháp luật khi áp dụng hình phạt cho các bị cáo; không tương xứng với vai trò, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo T so với các bị cáo khác nên không có cơ sở để được chấp nhận; đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên là phù hợp với vai trò, tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật Hình sự thì ngoài hình phạt chính là hình phạt tù thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa thấy rằng: các bị cáo Lê Ngọc T, Dương Văn L1 thuộc đối tượng hộ cận nghèo; các bị cáo T, L1, Nguyễn Chí Đ không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo T, L1 như đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa là phù hợp, có căn cứ.

[8] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật liên quan:

[8.1] Đối với vật chứng gồm: 01 ống thủy tinh trong suốt dài 17cm, đường kính 0,4cm, một đầu có hình cầu đường kính 1,5cm bên trong có bám dính chất màu vàng nâu là ma túy loại Methamphetamine; 01 vỏ chai nhựa có chữ Sting cao 21cm, đường kính đáy chai 05cm có nắp đậy bằng nhựa màu đỏ, trên nắp nhựa có 02 lỗ thủng, một lỗ có gắn 01 ống hút bằng nhựa màu đen dài 31cm, đường kính 0,5cm là các công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, là vật không có giá trị và không sử dụng được, nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[8.2] Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 màu hồng, kiểu máy PBAM00, số IMEI 1: 864395046661756, số IMEI 2: 864395046661749, gắn thẻ sim số 0359003400 của bị cáo Dương Văn L1 và 01 điện thoại di động hiệu OPPO A15 màu trắng, kiểu máy CPH2185, số IMEI 1: 860466059816258, số IMEI 2: 860466059816241, không có thẻ sim của bị cáo Nguyễn Chí Đ - là các công cụ, phương tiện liên lạc với nhau để mua ma túy, dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[9] Về án phí: Các bị cáo Lê Ngọc T, Dương Văn L1 bị kết án nhưng thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nguyễn Chí Đ bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Đối với đối tượng đã bán trái phép chất ma túy cho bị can Dương Văn L1, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ tiếp tục điều tra, xử lý sau là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Ngọc T, Dương Văn L1, Nguyễn Chí Đ cùng phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; các điểm r, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Phạt: bị cáo **Lê Ngọc T** 08 (*tám*) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2025.

Phạt bổ sung: không.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Phạt: bị cáo **Dương Văn L1** 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2025.

Phạt bổ sung: không.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38

Bộ luật Hình sự.

Phạt: bị cáo **Nguyễn Chí Đ** 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2025.

Phạt bổ sung không.

4. Về xử lý vật chứng, các tài liệu, đồ vật khác trong vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 ống thủy tinh trong suốt dài 17cm, đường kính 0,4cm, một đầu có hình cầu đường kính 1,5cm bên trong có bám dính chất màu vàng nâu là ma túy loại Methamphetamine; 01 vỏ chai nhựa có chữ Sting cao 21cm, đường kính đáy chai 05cm có nắp đậy bằng nhựa màu đỏ, trên nắp nhựa có 02 lỗ thủng, một lỗ có gắn 01 ống hút bằng nhựa màu đen dài 31cm, đường kính 0,5cm.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 màu hồng, kiểu máy PBAM00, số IMEI 1: 864395046661756, số IMEI 2: 864395046661749, gắn thẻ sim số 0359003400; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A15 màu trắng, kiểu máy CPH2185, số IMEI 1: 860466059816258, số IMEI 2: 860466059816241, không có thẻ sim.

Vật chứng vụ án, tài liệu, đồ vật có tình trạng, đặc điểm như mô tả tại Quyết định chuyển vật chứng, đồ vật, tài liệu số 08/QĐ-VKSKV12 ngày 03/09/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/09/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - Đắk Lắk.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

5.1. Các bị cáo Lê Ngọc T, Dương Văn L1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5.2. Bị cáo Nguyễn Chí Đ phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSNDKV12-Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người tham gia tổ tụng khác;
- Lưu HSVA;

Nguyễn Hữu Duyên